

## QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu: “Thi công hạng mục đường giao thông (không bao gồm thảm mịn và tổ chức giao thông), thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, điện chiếu sáng tuyến 3, tuyến 6, nút N13 - giai đoạn 4” thuộc dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên.

### GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN VIGLACERA YÊN MỸ

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ ban hành về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ ban hành về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Văn bản số 712/TTg-CN ngày 30/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- Quyết định số 573/QĐ-BTNMT ngày 11/03/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- Căn cứ các quyết định của Hội đồng quản trị Công ty CP phát triển KCN Viglacera Yên Mỹ: số 03/CTYM-HĐQT ngày 29/01/2019 về việc phê duyệt dự án đầu tư và kế hoạch lựa chọn nhà thầu; số 24/QĐ-CT-HĐQT ngày 30/06/2023 về việc Phê duyệt Điều chỉnh dự án, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Phương án kinh doanh của Dự án ĐTXD và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.
- Căn cứ Quyết định số 29A/QĐ-CT-TCHC ngày 25/6/2021 của Giám đốc công ty CP phát triển KCN Viglacera Yên Mỹ - Hưng Yên về việc thành lập Tổ chuyên gia xét thầu các gói thầu thuộc các dự án do công ty CP phát triển KCN Viglacera Yên Mỹ - Hưng Yên làm chủ đầu tư.
- Căn cứ biên bản họp ngày 03/07/2023 tổ chuyên gia xét thầu.
- Căn cứ tờ trình của tổ chuyên gia xét thầu về việc trình phê duyệt hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu: “Thi công hạng mục đường giao thông (không bao gồm thảm mịn và tổ chức giao thông), thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, điện chiếu sáng tuyến 3, tuyến 6, nút



N13 - giai đoạn 4” thuộc dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giám đốc Công ty Cổ phần phát triển khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu: “Thi công hạng mục đường giao thông (không bao gồm thảm mìn và tổ chức giao thông), thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, điện chiếu sáng tuyến 3, tuyến 6, nút N13 - giai đoạn 4” thuộc dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên với các nội dung chính như sau:

**1- Thông tin cơ bản của gói thầu (theo quyết định số 24/QĐ-CT-HĐQT ngày 30/06/2023):**

- Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên.

- Gói thầu: Thi công hạng mục đường giao thông (không bao gồm thảm mìn và tổ chức giao thông), thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, điện chiếu sáng tuyến 3, tuyến 6, nút N13 - giai đoạn 4.

+ Giá gói thầu: 57.863.113.467 đồng, đã bao gồm thuế GTGT.

+ Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào giá cạnh tranh (quy trình rút gọn).

+ Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ

+ Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định.

+ Thời gian thực hiện hợp đồng: 150 ngày.

- Phạm vi công việc của gói thầu: Thi công hạng mục đường giao thông (không bao gồm thảm mìn và tổ chức giao thông), thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, điện chiếu sáng tuyến 3, tuyến 6, nút N13 - giai đoạn 4.

**2- Nội dung cơ bản của hồ sơ yêu cầu báo giá**

Hồ sơ yêu cầu báo giá gồm có 6 chương cụ thể như sau:

**Chương I: Yêu cầu về nội dung báo giá**

**Chương II: Tiêu chuẩn về đánh giá hồ sơ yêu cầu báo giá**

Mục 1. TCĐG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Mục 2. Yêu cầu về chất lượng Hàng hóa (vật tư/Thiết bị)

**Chương III: Biểu mẫu**

Mẫu số 1. Bảng báo giá

Mẫu số 2. Giấy ủy quyền

Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh

**Chương IV: Giới thiệu dự án và gói thầu**

Mục I: Giới thiệu về dự án và gói thầu

Mục 1: Phạm vi công việc gói thầu

Mục 2: Bảng tiêu chuẩn

Mục II: Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Mục III: Yêu cầu về mặt kỹ thuật

Mục IV: Các bản vẽ

**Chương V: Điều kiện của hợp đồng**

**Chương VI: Mẫu hợp đồng**

*(Chi tiết có hồ sơ bản yêu cầu báo giá gửi kèm theo)*

**Điều 2.** Căn cứ nội dung phê duyệt tại điều 1, Giao Tổ chuyên gia xét thầu công ty triển khai thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý đấu thầu, quản lý chất lượng công trình, phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Các ông (bà) Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng/ban chức năng Công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này theo chức năng và nhiệm vụ./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: TCHC; KHĐT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU  
CÔNG NGHIỆP VIGLACERA YÊN MỸ**



*(Handwritten signature)*

**GIÁM ĐỐC  
NGUYỄN ANH TUẤN**



The first part of the document is a letter from the  
 Secretary of the Department of the Interior to the  
 Commissioner of the General Land Office, dated  
 at Washington, D. C., this 10th day of  
 January, 1900. The letter is in reply to a  
 letter from the Commissioner of the General  
 Land Office, dated at Washington, D. C.,  
 this 2nd day of December, 1999. The letter  
 contains the following:



HANCOCK  
 HANCOCK



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
-----o0o-----

**HỒ SƠ YÊU CẦU BÁO GIÁ**

(Theo quyết định số 22/QĐ-CTYM ngày 03./07/2023)

Tên Dự án : Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên

Gói thầu : Thi công hạng mục đường giao thông (không bao gồm thảm mịn và tổ chức giao thông), thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, điện chiếu sáng tuyến 3, tuyến 6, nút N13 - giai đoạn 4

Địa điểm xây dựng : huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Chủ đầu tư : Công ty cổ phần phát triển khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ

Ngày phát hành : 03/07/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN  
KCN VIGLACER YÊN MỸ



*Phạm Văn Đông*  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Phạm Văn Đông*



## MỤC LỤC

**Từ ngữ viết tắt**

**Chương I: Yêu cầu về nộp báo giá**

**Chương II: Tiêu chuẩn về đánh giá hồ sơ yêu cầu báo giá**

Mục 1. TCDG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Mục 2. TCDG về giá gói thầu

**Chương III: Biểu mẫu**

Mẫu số 1. Bảng báo giá

Mẫu số 2. Giấy ủy quyền

Mẫu số 3. Thỏa thuận liên danh

**Chương IV: Giới thiệu dự án và gói thầu**

Mục I: Giới thiệu về dự án và gói thầu

Mục 1: Phạm vi công việc gói thầu

Mục 2: Bảng tiêu lượng

Mục II: Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Mục III: Yêu cầu về mặt kỹ thuật

Mục IV: Các bản vẽ

**Chương V: Điều kiện của hợp đồng**

**Chương VI: Mẫu hợp đồng**





## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
TCDG	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất
ĐKHD	Điều kiện của hợp đồng
Luật sửa đổi	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng;
VND	Đồng Việt Nam

**Chương I**  
**YÊU CẦU VỀ NỘP BÁO GIÁ**

STT	Nội dung	Dữ liệu
1	Tên bên mời thầu	Công ty cổ phần phát triển KCN Viglacera Yên Mỹ
2	Tên gói thầu:	Thi công hạng mục đường giao thông (không bao gồm thảm mịn và tổ chức giao thông), thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, điện chiếu sáng tuyến 3, tuyến 6, nút N13 - giai đoạn 4
3	Tên dự án:	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Yên Mỹ - tỉnh Hưng Yên.
4	Địa điểm xây dựng	Huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
5	Giá chào thầu	Là toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện các công việc liên quan.
6	Thời hạn nộp báo giá	Thời hạn nộp báo giá muộn nhất trước 15h00 ngày 18/07/2023
7	Yêu cầu số lượng	Tối thiểu 01 gốc; 02 bộ sao
8	Hiệu lực báo giá	60 ngày kể từ ngày nộp Hồ sơ báo giá
9	Tiến độ thực hiện	150 ngày được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực
10	Nguồn vốn thực hiện gói thầu:	Vốn vay và vốn tự có.
11	Hiệu lực HSDX	60 ngày kể từ ngày nộp HSDX
12	Hình thức hợp đồng:	Đơn giá cố định.
13		Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC báo giá thì gửi văn bản đến bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu (gửi bằng văn bản hoặc email).
14		Trường hợp CĐT sửa đổi HSYC báo giá, CĐT có trách nhiệm gửi thông tin sửa đổi đến nhà thầu (gửi bằng văn bản hoặc email).
15	Đồng tiền	Đồng tiền thanh toán VND.
16	Ngôn ngữ	Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt.

## Chương II

### TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ YÊU CẦU BÁO GIÁ

#### Mục 1. TCDG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

TCDG về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu bao gồm các nội dung cơ bản sau:

TT	Mức độ yêu cầu
1	<b>Yêu cầu về năng lực công ty</b>
-	Giấy chứng nhận đăng ký kinh của doanh nghiệp
-	Hồ sơ năng lực của Công ty
-	Nhà thầu phải có giấy phép năng lực hoạt động xây dựng phù hợp với gói thầu.
2	<b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng</b>
-	Hợp đồng hạ tầng kỹ thuật, xây dựng dân dụng công nghiệp tối thiểu 01 hợp đồng
3	<b>Năng lực về kỹ thuật</b>
+	Chỉ huy trưởng công trình: Hạng 3 có kinh nghiệm thi công $\geq 5$ năm

#### Mục 2. TCDG về giá gói thầu

Xác định giá thấp nhất (đối với trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất):

- Xác định hồ sơ chào giá;
- Sửa lỗi;
- Hiệu chỉnh sai lệch;
- Trừ giá trị giảm giá (nếu có);
- Chuyển đổi giá dự thầu sang một đồng tiền chung (nếu có);
- Xác định giá trị ưu đãi (nếu có);
- So sánh giữa các hồ sơ chào giá để xác định giá thấp nhất.

### Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

#### BẢNG BÁO GIÁ

Đơn vị tính: VND

Stt	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng mời thầu	Đơn giá đề xuất	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
...					
TỔNG CỘNG					

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Có thể lập từng biểu chi tiết cho từng hạng mục chính

Cột (2): Ghi các nội dung công việc như Bảng tiên lượng

Cột (4): Ghi đúng khối lượng được nêu trong Bảng tiên lượng

Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng riêng cho phần khối lượng sai khác này để chủ đầu tư xem xét, không ghi chung vào biểu này.

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_, tại \_\_\_

Tôi là: \_\_\_ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chỉ định thầu gói thầu \_\_\_ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_ [Ghi tên dự án] do \_\_\_ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất chỉ định thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham gia chỉ định thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình đàm phán hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu trúng chỉ định thầu] <sup>(2)</sup>

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_ [Ghi tên nhà thầu]. \_\_\_ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_ đến ngày \_\_\_ <sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

**Người ủy quyền**

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất chỉ định thầu theo quy định tại Mục 5 Chương I. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chỉ định thầu.

- Bó via tại mép đường phía via hè dùng loại bó via đứng, đổ tại chỗ kết hợp với đan rãnh đổ bằng máy rải chuyên dụng, bê tông xi măng M250.

### **1.2. Hạng mục thoát nước mưa:**

- Kiểu hệ thống thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn bao gồm hệ thống thoát nước mưa riêng; Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt + nước thải sản xuất riêng.

- Hướng thoát nước chính: Giai đoạn 4,5 hướng thoát chính là Đông bắc xuống Tây nam, với trục chính thoát nước là hành lang cây xanh thẳng hướng trục đường tuyến 6, thoát nước về mương bao M1 phía Tây Nam. Riêng đoạn tuyến Z từ Z37, Z46 thoát từ Nam lên Đông bắc đổ vào tuyến Z đã xây dựng trong giai đoạn trước, sau cùng thoát ra mương bao M1 tại góc ranh giới với giai đoạn 3. Hệ thống thoát nước mưa nội bộ KCN cấu tạo gồm các tuyến rãnh BTCT thu nước bố trí dọc các hè đường khu công nghiệp, tại các vị trí qua đường sử dụng công tròn BTCT chịu lực. Công xả ra mương bao gần nhất và phù hợp địa hình để đảm bảo thoát nước nhanh nhất. Dọc các tuyến rãnh thoát nước bố trí các hố ga thăm, ga thu với khoảng cách trung bình 30m/ga để thu nước mưa mặt đường và nước mưa từ trong các lô đất đầu ra.

- Rãnh thoát nước mưa bằng bê tông cốt thép có quy cách B600, B800, B100, B1200, B1500, B1600; công tròn thoát nước mưa BTCT có đường kính D800, D1000, D1200, D1500, cấp tải C; công hộp thoát nước mưa 2B1500xH1000, tải HL93; hố ga thu và thoát nước mưa bằng BTCT; cửa xả thoát nước mưa D800, D1000, B1500, B1600 xây đá hộc.

### **1.3. Hạng mục thoát nước thải:**

- Các loại nước thải công nghiệp của nhà máy trong khu công nghiệp được xử lý sơ bộ đến giới hạn tiêu chuẩn cho phép, trước khi xả ra hệ thống công thu gom của khu công nghiệp và dẫn đến khu xử lý tập trung.

- Các tuyến công chạy theo hướng chính là từ tây nam lên Đông bắc, đầu vào các công trong các giai đoạn trước nằm phía Đông bắc.

- Dọc các tuyến công thoát nước bố trí các hố ga thăm với khoảng cách trung bình 30m/ga để thu nước thải từ trong các lô đất đầu ra.

- Nước thải các công trình công cộng, dịch vụ khu công nghiệp được thu gom

bằng hệ thống thoát nước trong nhà và được xử lý sơ bộ rồi xả vào mạng lưới thoát nước thải của KCN.

- Hệ thống thoát nước thải cấu tạo bao gồm các tuyến HDPE 2 lớp SN4 D300 bố trí dọc các hè đường KCN hoặc dưới cây xanh. Các ống đi dưới đường dùng ống HDPE 2 lớp SN8 D300. Tấm đan dàn tải đặt thêm tại những đoạn ống qua đường có chiều sâu chôn ống <1,5m.

- Hồ ga thành xây gạch đặc, vữa xi măng mác 75, lòng hồ ga đổ bê tông đá 1x2 mác 100. Đáy hồ ga và giằng hồ ga dùng BTCT đá 1x2 mác 200, lớp bê tông lót đá 2x4 mác 100, nắp hồ ga dùng loại composite.

#### **1.4. Hệ thống công kỹ thuật qua đường**

Hệ thống công kỹ thuật qua đường bao gồm các ống BTCT tải trọng C, D400 bố trí qua đường, hệ thống hồ ga xây gạch. Các ống được chèn bằng cát đen đầm chặt K98.

Hồ ga được thiết kế có đáy và nắp bằng BTCT mác 200, thép CI  $\varnothing < 10$ , CII  $\varnothing \geq 10$ . Thành hồ xây gạch đặc, vữa xi măng mác #75, trát trong dày 20mm, vữa xi măng mác #75. Đáy hồ ga, tấm đan đổ bê tông mác 200 đá 1x2. Đáy hồ ga gia cố nền bằng vật liệu san nền đầm chặt  $K=0,95$ . Lớp bê tông lót dùng đá 4x6 bê tông mác #100

#### **1.5. Điện chiếu sáng.**

a) Nguồn cấp điện: Nguồn cấp điện chiếu sáng sẽ lấy từ TBA 320kVA 22/0.4kV được xây dựng mới trong các khu Trung tâm điều hành phía Bắc khu Công nghiệp.

b) Nguồn sáng :

- Chọn đèn chiếu sáng đường phố có phân bố ánh sáng rộng LED 120W-140W, cấp bảo vệ IP65.

- Qua thông số trên lựa chọn bóng LED, đây là loại bóng đèn có quang hiệu lớn nhất, tuổi thọ bóng đèn rất lớn. Tỷ lệ bóng đèn còn tốt sau 50000h sử dụng đạt trên 90%.

- Các cột đèn chiếu sáng được đặt cách mép đường 0,7m trên vỉa hè hoặc ở giữa dải phân cách, được đặt đối xứng hoặc so le nhau khoảng cách thiết kế 40-45m.

- Cột đèn được dập từ thép tấm SS400, dập uốn trên máy dập song động 1200 đến 1600 tấn. Chịu được tốc độ gió đến 45m/s (Tương đương vùng áp lực gió 125 daN/m<sup>2</sup>). Cột được hàn dọc tự động trong môi trường khí bảo vệ CO<sub>2</sub>. Phù hợp với tiêu chuẩn BS 5135, AWS D1.1.

c) Cáp và dây điện cho đèn đường: Cáp từ TBA đến tủ điều khiển chiếu sáng lắp cáp chôn ngầm loại Cu/XLPE/DSTA/PVC. Từ tủ điều khiển chiếu sáng đến các cột đèn lắp cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC 4x16mm<sup>2</sup>. Cáp được chôn luôn trong ống nhựa vụn xoắn HDPE chôn trực tiếp trong đất ở độ sâu 0,7m. Những vị trí cáp qua đường được trôn sâu 1m. Dây nổi lên đèn: Dùng dây Cu/PVC/PVC 2x2,5mm<sup>2</sup>

d) Thiết bị điều khiển: Toàn bộ hệ thống đèn chiếu sáng được cấp điện từ tủ điện điều khiển chiếu sáng chuyên dụng thông qua thiết bị đóng, cắt tự động và bán tự động, có thiết bị bảo vệ chống quá tải.

e) Chế độ vận hành hệ thống chiếu sáng: Tủ điều khiển được vận hành đóng cắt theo lịch trình.

- Buổi tối (từ 18h-23h) : Đóng 100% số đèn.

- Đêm khuya ( từ 23h – 5h sáng hôm sau ) : Tắt 2/3 số đèn.

- Ngoài ra còn có thể bật tắt từng tuyến theo nhu cầu sử dụng.

f) Bảo vệ an toàn: Để đảm bảo an toàn cho người và thiết bị, toàn bộ tủ điện, cột thép được nối với hệ thống tiếp địa an toàn. Mỗi vị trí 3 cọc tiếp địa. Liên kết giữa các vị trí tiếp địa bằng dây đồng M10. Điện trở tiếp đất yêu cầu  $R \leq 4 \Omega$

## 2. Bảng Tiên lượng

Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	<b>ĐƯỜNG GIAO THÔNG TUYẾN 3, TUYẾN 6, NÚT N13</b>			
	<b>NỀN ĐƯỜNG</b>			
1	Đào nền đường bằng máy đào 1,25m <sup>3</sup> , đất cấp I (vét bùn, bóc hữu cơ)	100m <sup>3</sup>	129,302	
2	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn trong phạm vi $\leq 700m$ , đất cấp I	100m <sup>3</sup>	129,302	
3	Đào nền đường bằng máy đào 1,25m <sup>3</sup> , đất cấp II	100m <sup>3</sup>	10,710	
4	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn trong phạm vi $\leq 700m$ , đất cấp II	100m <sup>3</sup>	10,710	
5	Đắp cát công trình bằng máy lu bánh thép 25T, độ chặt yêu cầu $K=0,95$	100m <sup>3</sup>	551,980	
	<b>MẶT ĐƯỜNG</b>			
6	Đắp cát công trình bằng máy lu bánh thép 25T, độ chặt yêu cầu $K=0,98$	100m <sup>3</sup>	108,006	
7	Thi công móng cấp phối đá dăm lớp dưới	100m <sup>3</sup>	75,604	
8	Thi công móng cấp phối đá dăm lớp trên	100m <sup>3</sup>	52,225	
9	Tưới lớp thấm bảm mặt đường bằng nhựa MC70, lượng nhũ tương 1,0 kg/m <sup>2</sup>	100m <sup>2</sup>	198,235	



Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10	Rải thảm mặt đường bê tông nhựa (loại C19, R19), chiều dày mặt đường đã lèn ép 6 cm	100m <sup>2</sup>	198,235	
	<b>HÈ ĐƯỜNG</b>			
11	Rải lớp nilon	100m <sup>2</sup>	40,307	
12	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100, XM PCB30	m <sup>3</sup>	322,454	
13	Lát gạch vỉa hè, gạch bê tông giả đá 400x400x35mm	m <sup>2</sup>	4.030,678	
14	Xây bó hè gạch không nung (10x6x21)cm, chiều dày 10,5cm, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75	m <sup>3</sup>	107,393	
	<b>BÓ VỈA - ĐAN RÃNH</b>			
15	Thi công bó vỉa kết hợp với tẩm đan tại chỗ (BG Công ty 656)	m	3.353,983	
<b>II</b>	<b>BÀN ĐO LÚN</b>			
16	Lắp đặt ống nhựa miệng bát, đường kính ống 150mm	100m	1,785	
17	Lắp đặt ống thép thép, đường kính ống 50mm	100m	0,510	
18	Gia công cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện <= 50 kg	tấn	2,252	
19	Lắp đặt cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện <= 50 kg	tấn	2,252	
20	Gia công cấu kiện thép làm mũ bảo vệ	tấn	0,014	
21	Lắp đặt cấu kiện thép làm mũ bảo vệ	tấn	0,014	
<b>III</b>	<b>THOÁT NƯỚC MƯA</b>			
	<b>RÃNH THOÁT NƯỚC MƯA</b>			
1	Đào kênh mương, chiều rộng <= 6m, máy đào 1,25m <sup>3</sup> , đất cấp I	100m <sup>3</sup>	234,737	
2	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90, cát tận dụng lại	100m <sup>3</sup>	131,761	
3	Thi công lớp đá đệm móng	m <sup>3</sup>	667,951	
4	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100, XM PCB30	m <sup>3</sup>	601,819	
5	Đổ bê tông bằng máy, đổ bằng máy bơm bê tông, bê tông móng, chiều rộng móng <=250 cm, đá 1x2, mác 200, XM PCB40	m <sup>3</sup>	2.800,531	
6	Ván khuôn thép. Ván khuôn móng	100m <sup>2</sup>	22,942	
7	Ván khuôn thép, khung xương thép, cột chống bằng thép ống. Ván khuôn thành rãnh	100m <sup>2</sup>	241,765	

Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
8	Gia công, lắp dựng cốt thép rãnh nước, đường kính ≤ 10mm	tấn	129,637	
9	Gia công, lắp dựng cốt thép mương cáp, rãnh nước, đường kính > 10mm	tấn	22,866	
10	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn trong phạm vi ≤ 700m, đất cấp I, tạm tính trong phạm vi công trình	100m <sup>3</sup>	102,976	
<b>CÔNG BTCT</b>				
11	Đào kênh mương, chiều rộng ≤ 6m, máy đào 1,25m <sup>3</sup> , đất cấp I	100m <sup>3</sup>	4,956	
12	Thi công lớp đá đệm móng	m <sup>3</sup>	14,360	
13	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95, cát tận dụng lại	100m <sup>3</sup>	3,636	
14	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn trong phạm vi ≤ 700m, đất cấp I	100m <sup>3</sup>	1,320	
17	Lắp đặt ống bê tông bằng cần cẩu, đoạn ống dài 2,5m, đường kính 1200mm TT C	đoạn ống	7,760	
18	Lắp đặt ống bê tông bằng cần cẩu, đoạn ống dài 2,5m, đường kính 1500mm TT C	đoạn ống	14,240	
19	Lắp đặt khối móng bê tông đỡ đoạn ống, đường kính 1200mm	cái	23,280	
20	Lắp đặt khối móng bê tông đỡ đoạn ống, đường kính 1500mm	cái	42,720	
21	Nối ống bê tông bằng gioăng cao su, đường kính 1200mm	mỗi nối	6,760	
22	Nối ống bê tông bằng gioăng cao su, đường kính 1500mm	mỗi nối	14,240	
23	Nối ống bê tông bằng phương pháp xảm, đường kính 1200mm	mỗi nối	6,760	
24	Nối ống bê tông bằng phương pháp xảm, đường kính 1500mm	mỗi nối	14,240	
25	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông đai nối ống, đá 1x2, mác 200	m <sup>3</sup>	29,359	
26	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn đai nối ống	100m <sup>2</sup>	0,694	
<b>CỬA THU NƯỚC MẶT ĐƯỜNG</b>				
27	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông tấm đan, mái hắt, lanh tô, đá 1x2, mác 200, XM PCB40	m <sup>3</sup>	3,924	
28	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng ≤ 250 cm, đá 1x2, mác 100, XM PCB30	m <sup>3</sup>	0,587	

Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
29	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn thép, ván khuôn bó via cửa thu	100m <sup>2</sup>	0,705	
30	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép bó via cửa thu	tấn	0,153	
31	Lắp các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng ≤ 35kg	1 cấu kiện	109,000	
32	Song chắn rác D10 a150	cái	109,000	
<b>ỐNG UPVC</b>				
33	Đào kênh mương, chiều rộng ≤ 6m, máy đào 1,25m <sup>3</sup> , đất cấp I	100m <sup>3</sup>	1,098	
34	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95, cát tận dụng lại	100m <sup>3</sup>	0,220	
35	Lắp đặt ống nhựa uPVC D140 Class3	100m	13,178	
36	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90, cát tận dụng lại	100m <sup>3</sup>	0,676	
37	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn trong phạm vi ≤ 700m, đất cấp I, tạm tính trong phạm vi công trình	100m <sup>3</sup>	0,203	
<b>GA BTCT</b>				
38	Đào móng công trình, chiều rộng móng ≤ 6m, bằng máy đào 1,25m <sup>3</sup> , đất cấp I	100m <sup>3</sup>	4,507	
39	Thi công lớp đá đệm móng	m <sup>3</sup>	16,033	
40	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng ≤ 250 cm, đá 4x6, mác 100, XM PCB30	m <sup>3</sup>	12,828	
41	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông hồ van, hồ ga, đá 1x2, mác 250, XM PCB40	m <sup>3</sup>	69,292	
42	Ván khuôn thép. Ván khuôn đáy	100m <sup>2</sup>	0,698	
43	Ván khuôn thép, khung xương thép, cột chống bằng thép ống. Ván khuôn thành ga	100m <sup>2</sup>	5,759	
44	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép đáy ga, đường kính cốt thép ≤ 10mm	tấn	2,026	
45	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép thành, đường kính cốt thép ≤ 10mm	tấn	5,362	
46	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90, cát tận dụng lại	100m <sup>3</sup>	2,190	

Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
47	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn trong phạm vi ≤ 700m, đất cấp I, tạm tính trong phạm vi công trình	100m <sup>3</sup>	2,317	
<b>CỬA XÁ</b>				
48	Đào móng cửa xá, bằng máy đào 1,25m <sup>3</sup> , đất cấp I	100m <sup>3</sup>	0,927	
49	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95, (cát tận dụng lại)	100m <sup>3</sup>	0,720	
50	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn trong phạm vi ≤ 700m, đất cấp I	100m <sup>3</sup>	0,207	
51	Thi công lớp đá đệm móng	m <sup>3</sup>	2,870	
52	Xây đá hộc, xây móng, chiều dày ≤ 60cm, vữa XM mác 100	m <sup>3</sup>	17,850	
53	Xây đá hộc, xây tường cánh, tường đầu cầu, vữa XM mác 100	m <sup>3</sup>	4,120	
<b>CÔNG NỒI MƯƠNG</b>				
54	Đào kênh mương, chiều rộng ≤ 6m, máy đào 1,25m <sup>3</sup> , đất cấp I	100m <sup>3</sup>	35,830	
55	Thi công lớp đá đệm móng	m <sup>3</sup>	15,701	
56	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng đáy cống hộp nổi mương, đá 4x6, mác 100, XM PCB30	m <sup>3</sup>	33,707	
57	Đóng cọc tre bằng thủ công, chiều dài cọc ≤ 2,5m vào đất cấp I	100m	100,397	
58	Ván khuôn thép. Ván khuôn bê tông lót cống hộp nổi mương	100m <sup>2</sup>	0,263	
59	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90, cát tận dụng lại	100m <sup>3</sup>	29,683	
60	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn trong phạm vi ≤ 700m, đất cấp I	100m <sup>3</sup>	6,148	
61	Lắp đặt ống bê tông bằng cần cẩu, đoạn ống dài 2,5m, đường kính 400mm TT TC	đoạn ống	6,000	
62	Lắp đặt ống bê tông bằng cần cẩu, đoạn ống dài 2,5m, đường kính 600mm TT TC	đoạn ống	19,840	
63	Lắp đặt ống bê tông bằng cần cẩu, đoạn ống dài 2,5m, đường kính 1000mm TT TC	đoạn ống	6,160	
64	Lắp đặt khối móng bê tông đỡ đoạn ống, đường kính 400mm	cái	18,000	
65	Lắp đặt khối móng bê tông đỡ đoạn ống, đường kính 600mm	cái	59,520	

Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
66	Lắp đặt khối móng bê tông đỡ đoạn ống, đường kính 1000mm	cái	18,480	
67	Nối ống bê tông bằng gioăng cao su, đường kính 400mm	mỗi nối	6,000	
68	Nối ống bê tông bằng gioăng cao su, đường kính 600mm	mỗi nối	19,840	
69	Nối ống bê tông bằng gioăng cao su, đường kính 1000mm	mỗi nối	6,160	
70	Nối ống bê tông bằng phương pháp xảm, đường kính 400mm	mỗi nối	6,000	
71	Nối ống bê tông bằng phương pháp xảm, đường kính 600mm	mỗi nối	19,840	
72	Nối ống bê tông bằng phương pháp xảm, đường kính 1000mm	mỗi nối	6,160	
73	Lắp đặt công hộp đơn, đoạn cống dài 1,2m - Quy cách 1000x1000mm	đoạn cống	39,000	
74	Lắp đặt công hộp đơn, đoạn cống dài 1,2m - Quy cách 1200x1200mm	đoạn cống	26,500	
75	Lắp đặt công hộp đôi, đoạn cống dài 1,2m - Quy cách 2(2000x2500)mm	đoạn cống	13,333	
76	Nối công hộp đơn bằng phương pháp xảm, quy cách 1000x1000mm	mỗi nối	38,000	
77	Nối công hộp đơn bằng phương pháp xảm, quy cách 1200x1200mm	mỗi nối	25,500	
78	Nối công hộp đôi bằng phương pháp xảm, quy cách 2(2000x2500mm)	mỗi nối	12,333	
79	Đổ bê tông bằng máy, đổ bằng máy bơm bê tông, bê tông đáy công hộp, đá 1x2, mác 300, XM PCB30	m <sup>3</sup>	13,063	
80	Đổ bê tông bằng máy, đổ bằng máy bơm bê tông, bê tông thành công, đá 1x2, mác 300, XM PCB30	m <sup>3</sup>	34,200	
81	Đổ bê tông bằng máy, đổ bằng máy bơm bê tông, bê tông nắp công, đá 1x2, mác 300, XM PCB30	m <sup>3</sup>	13,063	
82	Ván khuôn thép. Ván khuôn đáy công	100m <sup>2</sup>	0,362	
83	Ván khuôn thép, khung xương thép, cột chống bằng thép ống. Ván khuôn thành công	100m <sup>2</sup>	0,689	
84	Ván khuôn thép, khung xương thép, cột chống bằng thép ống. Ván khuôn nắp công	100m <sup>2</sup>	0,780	
85	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép đáy công, đường kính cốt thép ≤ 10mm	tấn	0,408	

Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
86	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép đáy công, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	tấn	1,311	
87	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép thành công, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$	tấn	1,071	
88	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép thành công, đường kính cốt thép $\leq 18\text{mm}$	tấn	1,587	
89	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép nắp, đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$	tấn	0,408	
90	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép nắp công, đường kính cốt thép $> 10\text{mm}$	tấn	1,311	
	Băng cản nước làm mạch ngừng thi công	m	0,000	
<b>IV</b>	<b>CÔNG KỸ THUẬT</b>			
	<b>CÔNG BTCT</b>			
1	Đào kênh mương, chiều rộng $\leq 6\text{m}$ , máy đào 1,25m <sup>3</sup> , đất cấp I	100m <sup>3</sup>	1,191	
2	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,98$ , cát tận dụng lại	100m <sup>3</sup>	0,966	
3	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi $\leq 700\text{m}$ , đất cấp I	100m <sup>3</sup>	0,225	
4	Lắp đặt ống bê tông bằng cần cẩu, đoạn ống dài 2,5m, đường kính D400 TT C	đoạn ống	42,440	
5	Nối ống bê tông bằng phương pháp xam, đường kính 400mm	mỗi nối	41,440	
6	Nối ống bê tông bằng gioăng cao su, đường kính 400mm	mỗi nối	41,440	
7	Lắp đặt khối móng bê tông đỡ đoạn ống, đường kính 400mm	cái	127,000	
	<b>HỒ GA XÂY GẠCH</b>			
8	Đào móng công trình, chiều rộng móng $\leq 6\text{m}$ , bằng máy đào 1,25m <sup>3</sup> , đất cấp I	100m <sup>3</sup>	0,869	
9	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,95$ , cát tận dụng lại	100m <sup>3</sup>	0,359	
10	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi $\leq 700\text{m}$ , đất cấp I	100m <sup>3</sup>	0,510	
11	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng $\leq 250\text{cm}$ , đá 4x6, mác 100, XM PCB30	m <sup>3</sup>	2,312	
12	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn bê tông lót hồ ga	100m <sup>2</sup>	0,054	

Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
13	Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây hố ga, hố van, vữa XM mác 75	m3	20,736	
14	Trát tường trong, chiều dày trát 2cm, vữa XM mác 75	m2	77,276	
15	Thang thép D22mm	tấn	0,119	
16	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông tấm đan, đá 1x2, mác 200, XM PCB40	m3	4,877	
17	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn gỗ, ván khuôn tấm đan	100m2	0,240	
18	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan	tấn	0,710	
19	Gia công cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện $\leq 20$ kg	tấn	0,330	
20	Lắp đặt cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện $\leq 20$ kg	tấn	0,330	
21	Lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng $> 50$ kg-200kg bằng cần cẩu	cấu kiện	32,000	
<b>V</b>	<b>THOÁT NƯỚC THẢI</b>			
	<b>ỐNG HDPE 2 LỚP</b>			
1	Đào kênh mương, chiều rộng $\leq 6$ m, máy đào 1,25m3, đất cấp I	100m3	133,884	
2	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,90$ cát tận dụng lại	100m3	127,067	
3	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,95$ , cát tận dụng lại	100m3	4,593	
4	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn trong phạm vi $\leq 700$ m, đất cấp I	100m3	2,225	
5	Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 2 lớp SN4, đường kính ống 300mm	100m	12,141	
6	Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 2 lớp SN4, đường kính ống 300mm	100m	14,269	
7	Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 2 lớp SN4, đường kính ống 300mm	100m	4,561	
8	Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 2 lớp SN8, đường kính ống 300mm	100m	0,335	
9	Lắp đặt ống nhựa gân xoắn HDPE 2 lớp SN8, đường kính ống 300mm	100m	1,045	
	Lắp đặt giăng cao su D300	cái	540,000	

Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
10	Thử áp lực đường ống nhựa, đường kính ống d=300mm	100m	32,351	
	<b>HỒ GA</b>			
11	Đào móng công trình, chiều rộng móng <= 6m, bằng máy đào 1,25m <sup>3</sup> , đất cấp I	100m <sup>3</sup>	10,740	
12	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95, cát tận dụng lại	100m <sup>3</sup>	5,103	
13	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn trong phạm vi <= 700m, đất cấp I	100m <sup>3</sup>	5,637	
14	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100, XM PCB30	m <sup>3</sup>	53,528	
15	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn bê tông lót	100m <sup>2</sup>	0,833	
16	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông tấm đan, đá 1x2, mác 200, XM PCB40	m <sup>3</sup>	63,743	
17	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn gỗ, ván khuôn tấm đan	100m <sup>2</sup>	3,137	
18	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan, đường kính <= 10mm	tấn	7,588	
19	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan, đường kính > 10mm	tấn	0,885	
20	Thép thang f20	tấn	1,560	
21	Lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng > 50kg-200kg bằng cần cẩu	cấu kiện	113,000	
22	Xây gạch đặc 6,5x10,5x22, xây hồ ga, vữa XM mác 75	m <sup>3</sup>	242,384	
23	Trát tường trong, chiều dày trát 1cm, vữa XM mác 75	m <sup>2</sup>	606,605	
24	Trát tường trong, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75	m <sup>2</sup>	606,605	
25	Nối ống giao với ga D300	mỗi nối	227,000	
26	Sợi dây tấm bitum	m	213,834	
27	Bộ nắp hồ ga Composite 800x800-125KN	bộ	113,000	
28	Lắp dựng nắp hồ ga bằng Composit	cái	113,000	
<b>VI</b>	<b>CẤP NƯỚC</b>			
	<b>ĐƯỜNG ỐNG CẤP NƯỚC</b>			



Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Đào kênh mương, chiều rộng $\leq 6m$ , máy đào 1,25m <sup>3</sup> , đất cấp I	100m <sup>3</sup>	30,686	
2	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,95$ (Đắp cát tận dụng)	100m <sup>3</sup>	0,172	
3	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,90$ (cát tận dụng lại)	100m <sup>3</sup>	29,866	
4	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn trong phạm vi $\leq 700m$ , đất cấp I, tạm tính trong phạm vi công trình	100m <sup>3</sup>	0,649	
5	Lắp đặt ống nhựa HDPE PN8-PE100 phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính ống 110mm	100m	12,390	
6	Lắp đặt ống nhựa HDPE PN8-PE100 phương pháp hàn gia nhiệt, đường kính ống 225mm	100m	21,300	
7	Thử áp lực đường ống nhựa, đường kính ống $d=110mm$	100m	12,390	
8	Thử áp lực đường ống nhựa, đường kính ống $d=225mm$	100m	21,300	
9	Công tác khử trùng ống nước, đường kính ống 110mm	100m	12,390	
10	Công tác khử trùng ống nước, đường kính ống 225mm	100m	21,300	
11	Lắp đặt ống bê tông bằng cần cẩu, đoạn ống dài 2,5m, đường kính 400mm	đoạn ống	26,800	
12	Nối ống bê tông bằng phương pháp xam, đường kính 400mm	mỗi nối	25,800	
13	Nối ống bê tông bằng gioăng cao su, đường kính 400mm	mỗi nối	25,800	
14	Lắp đặt khối móng bê tông đỡ đoạn ống, đường kính 400mm	cái	80,400	
<b>CÁC VẬT TƯ KHÁC</b>				
15	Lắp đặt van gang BB đường kính van 200mm	cái	4,000	
16	Lắp đặt van gang BB đường kính van 100mm	cái	4,000	
17	Lắp đặt đặt đầu nối bích BU HDPE đường kính 225mm	cái	8,000	
18	Lắp đặt đặt đầu nối bích BU HDPE đường kính 110mm	cái	8,000	
19	Lắp đặt cút nhựa 45 độ HDPE, đường kính 225mm	cái	0,000	

Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
67	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông hồ đồng hồ, đá 1x2, mác 200, XM PCB40	m3	4,540	
68	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng hồ đồng hồ	100m2	0,086	
69	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn giằng ga	100m2	0,304	
70	Xây hồ ga gạch bê tông (10,5x6x22)cm, chiều dày 10,5cm, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75	m3	5,498	
71	Lắp đặt ống nhựa thoát nước D200mm	100m	0,030	
72	Đá 1x2	m3	0,034	
73	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông tấm đan, đá 1x2, mác 200, XM PCB40	m3	1,656	
74	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn gỗ, ván khuôn nắp đan	100m2	0,094	
75	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan	tấn	0,141	
76	Gia công cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện <= 10 kg	tấn	0,150	
77	Lắp đặt cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện <= 10 kg	tấn	0,150	
78	Lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng > 50kg-200kg bằng cần cẩu	cấu kiện	60,000	
79	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95 (cát tận dụng lại)	100m3	0,130	
80	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn trong phạm vi <= 700m, đất cấp I, tạm tính trong phạm vi công trình	100m3	0,247	
81	Lắp đặt van mặt bích, đường kính van 50mm	cái	15,000	
82	Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng, DN50mm	cái	15,000	
83	Lắp đặt ống HDPE D63	100m	0,600	
84	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông gôỉ đỡ, đá 1x2, mác 200, XM PCB40	m3	0,090	
85	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn gỗ, ván khuôn gôỉ đỡ	100m2	0,019	
86	Lắp các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng <= 25kg, gôỉ đỡ van DN50	1 cấu kiện	15,000	
87	Lắp đặt môi nối mềm đường kính 50mm	cái	15,000	
88	Lắp đặt đầu nối bích HDPE đường kính 63mm	cái	30,000	

Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
89	Lắp đặt van 1 chiều BB, đường kính van 50mm	cái	15,000	
<b>ĐỒNG HỒ ĐO ÁP</b>				
90	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng $\leq$ 1m, sâu $\leq$ 1m, đất cấp I	m3	0,471	
91	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng $\leq$ 250 cm, đá 4x6, mác 100, XM PCB30	m3	0,067	
92	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông hố đồng hồ, đá 1x2, mác 200, XM PCB40	m3	0,067	
93	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông hố van, hố ga, đá 1x2, mác 250, XM PCB40	m3	0,027	
94	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng hố đồng hồ	100m2	0,003	
95	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn giăng ga	100m2	0,006	
96	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cô ga, đường kính cốt thép $\leq$ 10mm, chiều cao $\leq$ 6m	tấn	0,001	
97	Xây hố ga gạch bê tông (10,5x6x22)cm, chiều dày 10,5cm, chiều cao $\leq$ 6m, vữa XM mác 75	m3	0,079	
98	Lắp đặt ống nhựa thoát nước D120mm	100m	0,002	
99	Đá 1x2	m3	0,002	
100	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông tấm đan, đá 1x2, mác 200, XM PCB40	m3	0,008	
101	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn gỗ, ván khuôn nắp đan	100m2	0,001	
102	Gia công cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện $\leq$ 10 kg	tấn	0,009	
103	Gia công cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện $\leq$ 20 kg	tấn	0,015	
104	Lắp đặt cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện $\leq$ 10 kg	tấn	0,024	
105	Lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng > 50kg-200kg bằng cần cẩu	cấu kiện	1,000	
106	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95 (cát tận dụng lại)	100m3	0,001	
107	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10 tấn trong phạm vi $\leq$ 700m, đất cấp I, tạm tính trong phạm vi công trình	100m3	0,004	

Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
108	Lắp đặt khâu nối ren ngoài HDPE, đường kính 25mm	cái	1,000	
109	Lắp đặt khâu nối ren trong HDPE, đường kính 25mm	cái	1,000	
110	Lắp đặt cút thép 90 độ ren trong, đường kính cút 20mm	cái	2,000	
111	Lắp đặt rắc co DN20	cái	1,000	
112	Lắp đặt kẹp thép DN20	cái	2,000	
113	Lắp đặt van cầu, đường kính van D20mm	cái	1,000	
114	Lắp đặt đồng hồ đo áp lực	cái	1,000	
115	Lắp đặt mạng sông thép DN20mm	cái	1,000	
116	Ống thép ren 2 đầu L=1m	100m	0,010	
117	Ống thép ren 2 đầu L=0.2m	100m	0,002	
<b>VI</b>	<b>ĐIỆN CHIẾU SÁNG</b>			
	<b>TỦ CHIẾU SÁNG</b>			
1	Đào móng cột, trụ, hố kiểm tra bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu <= 1m, đất cấp I	m3	0,224	
2	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 1x2, mác 200	m3	0,320	
3	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột, móng vuông, chữ nhật	100m2	0,024	
4	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95 (cát tận dụng lại)	100m3	0,000	
4	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 700m, đất cấp I	100m3	0,002	
5	Bulong móng M16x350	bộ	4,000	
6	Lắp đặt ống nhựa PVC D90 bảo vệ cáp	100m	0,023	
7	Lắp đặt tủ điện điều khiển chiếu sáng	tủ	1,000	
8	Lắp đặt cút chéo 120, đường kính 90mm	cái	3,000	
	<b>CỘT ĐÈN THÉP TRÒN CÔN CAO 10M, BÓNG ĐÈN LED 150W</b>			
9	Lắp dựng cột đèn bằng máy, cột thép tròn côn 8 m D78-4.0mm (Cần đèn rời)	cột	63,000	
10	Vận chuyển cột đèn, cột thép, cột gang ≤10m	cột	63,000	
11	Lắp dựng cần đèn đơn	cần đèn	63,000	
12	Lắp bảng điện cửa cột	bảng	63,000	
13	Đèn chiếu sáng đường bóng Led 150w	bộ	63,000	
14	Bulong Ecu M6	bộ	252,000	

Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Lắp đặt ống nhựa HDPE D65/50 bảo vệ cáp trong móng cột đèn	100m	0,945	
16	Đào móng cột, trụ, hồ kiểm tra bằng thủ công, rộng <= 1m, sâu > 1m, đất cấp I	m3	98,280	
17	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng <= 250 cm, đá 4x6, mác 100	m3	6,300	
18	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông móng cột đèn, đá 1x2, mác 200	m3	44,352	
19	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn móng cột, móng vuông, chữ nhật	100m <sup>2</sup>	0,252	
20	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn thép, ván khuôn móng	100m <sup>2</sup>	2,218	
21	Lắp đặt cấu kiện bê tông đúc sẵn trọng lượng > 50kg bằng cần cẩu	cấu kiện	63,000	
22	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95 (cát tận dụng lại)	100m <sup>3</sup>	0,446	
23	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 7 tấn trong phạm vi <= 700m, đất cấp I	100m <sup>3</sup>	0,506	
24	Khung móng M24x300x300x675	bộ	63,000	
	<b>CÁP ĐIỆN</b>			
25	Đào kênh mương, chiều rộng <= 6m, máy đào 0,4m <sup>3</sup> , đất cấp I	100m <sup>3</sup>	5,514	
26	Rải cáp ngầm CU/XPLE/PVC/DSTA/PVC 0.4kV 4x25mm <sup>2</sup>	100m	1,000	
27	Rải cáp ngầm CU/XPLE/PVC/DSTA/PVC 0.4kV 4x16mm <sup>2</sup>	100m	16,540	
28	Rải cáp ngầm CU/XPLE/PVC/DSTA/PVC 0.4kV 4x10mm <sup>2</sup>	100m	8,140	
29	Luồn dây lên đèn Cu/PVC/PVC 2x2.5mm <sup>2</sup>	100m	7,250	
30	Đắp cát công trình bằng máy đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,95 (cát tận dụng lại)	100m <sup>3</sup>	5,514	
31	Lắp đặt ống nhựa HDPE D65/50 bảo vệ cáp	100m	24,400	
32	Bảo vệ cáp ngầm. Rãi lưới nilong	100m <sup>2</sup>	7,320	
33	Lưới cảnh báo cáp	m <sup>2</sup>	732,000	
	<b>TIẾP ĐỊA</b>			
34	Lắp đặt cọc tiếp địa L63x63x6 dài 2.5m	bộ	66,000	
35	Đào rãnh tiếp địa	m <sup>3</sup>	13,860	
36	Đắp đất rãnh tiếp địa	100m <sup>3</sup>	0,139	

Số TT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
(1) 37	(2) Rải dây thép địa thép dẹt 40x4	(3) 10 m	(4) 19,700	(5)
38	Thép dẹt 40x4	m	197,000	
39	Kéo rải dây đồng trần M10	m	2.345,000	

Ghi chú: Toàn bộ phần thăm mìn, tổ chức giao thông, mương thoát nước sẽ triển khai đầu tư sau không thuộc phạm vi gói thầu.

## II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Stt	Hạng mục công trình	Tiến độ thi công
1	Toàn bộ phần xây dựng hạng mục đường giao thông (không bao gồm thăm mìn và tổ chức giao thông), rãnh thoát nước mưa, thoát nước thải, công kỹ thuật, cấp nước, điện chiếu sáng tuyến 3, tuyến 6, nút N13 – giai đoạn 4	150 ngày

Tiến độ thực hiện toàn bộ công việc là điều kiện tiên quyết của HSYC báo giá. Nhà thầu cần căn cứ vào tiến độ yêu cầu của Chủ đầu tư, năng lực của mình và các yếu tố khác để quyết định một tiến độ tối ưu nhất đưa vào đơn đề xuất của mình.

Nhà thầu phải cam kết nộp tiến độ thi công phù hợp với hồ sơ dự thầu sau 3 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng, khi thi công công trình nếu cần thiết nhà thầu nộp tiến độ thi công đã sửa đổi sau khi thảo luận với Chủ đầu tư. Nhà thầu không được bắt đầu thi công khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.

## III. Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật<sup>(2)</sup>

Toàn bộ các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật phải được soạn thảo dựa trên cơ sở quy mô, tính chất của dự án, gói thầu và tuân thủ quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

### 1. Các quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu

Các tiêu chuẩn để đánh giá từng hạng mục công trình và công trình đạt các yêu cầu về chất lượng kỹ thuật trong quá trình thi công cần thiết tuân theo các điều kiện về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình, các quy trình thí nghiệm, các chỉ tiêu kỹ thuật, các quy định về thi công và nghiệm thu hiện hành, các tiêu chuẩn sử dụng tại biện pháp thi công phải là tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành bao gồm một số các tiêu chuẩn như sau:

Stt	Loại công tác	Quy chuẩn, tiêu chuẩn
<b>I</b>	<b>Yêu cầu chung</b>	
1	Quy chuẩn xây dựng Nhà và công trình công cộng – An toàn sinh mạng và sức khoẻ	QCXDVN 05:2008/BXD
2	Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng	TCVN 5637:1991
3	Nghiệm thu các công trình xây dựng	TCVN 4091:1985.
4	Bàn giao công trình xây dựng. Nguyên tắc cơ bản	TCVN 5640 : 1991
5	Tổ chức thi công	TCVN 4055 : 1985
6	Sử dụng máy xây dựng. Yêu cầu chung	TCVN 4087 : 1985
7	Hệ thống tiêu chuẩn an toàn lao động. Quy định cơ bản	TCVN-2287-78
<b>II</b>	<b>Công tác trắc địa, định vị công trình</b>	
1	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình- Yêu cầu chung	TCVNXD 9398: 2012
<b>III</b>	<b>Công tác thi công đất, nền, móng, nền đường, giao thông</b>	
1	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447 : 2012
2	Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu	TCXD 9361 : 2012
3	Thi công và nghiệm thu nền đường	TCVN 9436 2012
4	Thi công và nghiệm thu cấp phối đá dăm	TCVN 8859:2011
5	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông nhựa nóng	TCVN 8819:2011
<b>IV</b>	<b>Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép</b>	
1	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575-2011
2	Kết cấu BTCT – Tiêu chuẩn thiết kế	TCXDVN 5574-2018
3	Cốt liệu cho bê tông và vữa - yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570 : 2006
<b>V</b>	<b>Công tác xây</b>	
1	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5573-2011
2	Hướng dẫn pha trộn và sử dụng vữa trong xây dựng	TCVN 4459 : 1987
3	Vữa xây dựng. Yêu cầu kỹ thuật	TCVN-4314-86
<b>VI</b>	<b>Kết cấu thép</b>	

Stt	Loại công tác	Quy chuẩn, tiêu chuẩn
1	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575-2011
2	Sơn bảo vệ kết cấu thép – Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8790:2011
3	Hàn và các quá trình liên quan	TCVN 5017:2010
<b>VII</b>	<b>Điện</b>	
1	Quy phạm trang bị điện	11 TCN-19-2006
2	An toàn điện trong xây dựng. Yêu cầu chung	TCVN 4086-1985
3	Chống sét bảo vệ công trình xây dựng	TCXD 46:2007
4	Chiếu sáng nhân tạo trong công trình xây dựng. Tiêu chuẩn thiết kế	TCXD 16:1986
5	Bộ điện lực ban hành năm 1984 Catalog về dây & cáp điện, các thiết bị đóng cắt của các hãng thông dụng hiện có trên thị trường	11- TCN-1984
<b>VIII</b>	<b>Thoát nước mưa, nước thải, cấp nước</b>	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp	QCVN 40:2008/BTNMT
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt	QCVN 14:2008/BTNMT
3	Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình.	TCXD 7957:2008
4	Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình.	TCXDVN 33:2006
<b>IX</b>	<b>Các tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan</b>	

**Quy định vật tư, vật liệu chính sử dụng cho gói thầu:**

stt	Chủng Loại Vật Tư	Xuất Xứ hoặc Thương Hiệu	Ghi Chú
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Cát san lấp, cát mịn	Sông Hồng, Sông Đuống, Sông Đà	
2	Cát vàng	Sông Lô	
3	Đá 1x2cm, 2x4cm, 4x6cm, đá hộc	Hà Nam	
4	Cấp phối đá dăm loại 1, Cấp phối đá dăm loại 2	Hà Nam	
5	Xi măng PCB30, Xi măng PCB40	Duyên Hà, Pomihóa	
6	Thép xây dựng các loại	Việt Đức, Việt Ý	
7	Bê tông nhựa	Sơn Tùng, 656	
8	Bê tông xây dựng các loại	Việt Mỹ, Ritec, Việt Đức	
9	Ống nhựa cấp nước HDPE và phụ kiện tê, cắt, chéch...	Thuận Phát	



10	Ống nhựa PVC và phụ kiện tê, cút, chếch...	Thuận Phát	
11	Công bê tông cốt thép, đế công bê tông cốt thép các loại	Phương Bắc, Đất Việt	
12	Dây điện, cáp điện	Cadivi, Trần Phú	
13	Ống nhựa gân xoắn HDPE luôn cáp điện	Thành Công	
14	Cột đèn, bóng đèn chiếu sáng	Tấn Phát, Fuji	
15	Trụ cứu hỏa	Bộ Quốc Phòng	

## 2. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

Nhà thầu có giải pháp tổ chức kỹ thuật thi công các hạng mục công trình thuộc gói thầu theo đúng các qui định nêu trong Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng và các tiêu chuẩn thi công, nghiệm thu hiện hành.

## 3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, thiết bị:

3.1 Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư: Nhà thầu cần sử dụng các loại vật tư, vật liệu theo đúng các yêu cầu của hồ sơ thiết kế được duyệt.

Tất cả các loại vật liệu đưa vào thi công yêu cầu phải nêu rõ nguồn gốc xuất xứ và thí nghiệm đầu vào trước khi đưa vào thi công.

3.2 Yêu cầu máy móc thiết bị: Nhà thầu cần bố trí đủ số lượng, chủng loại máy móc thiết bị tối thiểu như yêu cầu nêu trong bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu;

Các thiết bị phục vụ thi công phải là những thiết bị tốt, có công suất phù hợp và được kiểm nghiệm theo định kỳ. Chủng loại vật tư, vật liệu phải tuân thủ theo đúng hồ sơ thiết kế quy định và theo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, được nghiệm thu và thử nghiệm theo quy phạm quy định.

## 4. Các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ:

Ngay sau khi nhận bàn giao mặt bằng nhà thầu phải:

- Có nội qui qui định về việc phòng cháy, chữa cháy đặt tại công trình.
- Bố trí đầy đủ các thiết bị phòng cháy, chữa cháy và phải thường xuyên kiểm tra, bổ sung kịp thời.

- Có bố trí Lực lượng phòng cháy chữa cháy đã qua tập huấn, đảm bảo luôn luôn có mặt kịp thời khi xảy ra sự cố.

## 5. Yêu cầu về vệ sinh môi trường;

Nhà thầu phải thực hiện tất cả các biện pháp phòng ngừa hợp lý nhằm tránh những tác hại đến môi trường sống và môi trường làm việc, gồm:

5.1 Chuẩn bị các phương tiện vệ sinh công cộng nhằm ngăn ngừa sự ô nhiễm về sinh thái hoặc ô nhiễm về công nghiệp tại hiện trường.

5.2 Phế thải xây dựng phải được dọn và vận chuyển kịp thời trong thời gian ngắn nhất chống ách tắc cản trở giao thông và môi trường cảnh quan khu vực. Nhà thầu phải tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường, vận chuyển vật liệu và phế thải theo đúng quy định của Thành phố.

5.3 Có giải pháp để giảm tiếng ồn khi thi công, tuân thủ qui định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về mức ồn tối đa cho phép trong công trình xây dựng: TCVNXDVN-175 : 2005

#### **6. Yêu cầu về an toàn lao động:**

Nhà thầu phải đưa ra trong Hồ sơ dự thầu của mình các biện pháp an toàn lao động trong suốt quá trình thi công và biện pháp khắc phục khi có sự cố xảy ra. Trong đó cần nêu rõ biện pháp an toàn lao động trong từng loại công việc, biện pháp an toàn cho các khu vực có mạng điện nước và các xe, máy của Nhà thầu đi qua.

#### **7. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thi công:**

Nhà thầu phải có giải pháp huy động nhân lực, máy móc thiết bị thi công để thực hiện gói thầu theo đúng các yêu cầu đề ra trong hồ sơ mời thầu

#### **8. Yêu cầu về biện pháp tổ chức thi công tổng thể các hạng mục:**

Nhà thầu phải có giải pháp thi công tổng thể, bố trí chung mặt bằng thi công trên công trường, giải pháp thi công chi tiết cho các hạng mục công trình.

#### **9. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng của Nhà thầu:**

Được thực hiện theo Luật Xây dựng Số: 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc hội; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Cụ thể trách nhiệm của Nhà thầu trong việc quản lý chất lượng công trình như sau:

- Chỉ được phép thi công những phần việc được ký kết tại Hợp đồng.
- Việc thi công phải theo đúng thiết kế đã được duyệt, áp dụng đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng đã được quy định và chịu sự giám sát, kiểm tra thường xuyên về chất lượng công trình của Bên mời thầu, cơ quan thiết kế, cơ quan giám sát và cơ quan giám định Nhà nước theo phân cấp quản lý chất lượng công trình xây dựng.
- Chịu mọi trách nhiệm trước Bên mời thầu và trước pháp luật về chất lượng Thi công xây dựng công trình và cung cấp, lắp đặt thiết bị (không bao gồm thiết bị mua sắm tập trung) kể cả những phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện theo quyết định của hợp đồng giao nhận thầu xây dựng.
- Vật tư, vật liệu sử dụng vào công trình phải có chứng nhận về chất lượng gửi cho Bên mời thầu để kiểm soát trước khi sử dụng.
- Tổ chức hệ thống đảm bảo chất lượng công trình để quản lý chất lượng sản phẩm xây dựng trong quá trình thi công.

#### **10. Yêu cầu khác căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu.**

- Yêu cầu các Nhà thầu phải tuân thủ đúng quy trình, quy phạm cho công tác thi công.
- Tất cả các vật tư thiết bị phải có chứng chỉ của Nhà sản xuất và Nhà thầu. Kinh phí chứng nhận chứng chỉ thuộc kinh phí Nhà thầu.
- Thi công từng phần có nghiệm thu kỹ thuật, chất lượng theo đúng quy trình thi công và nghiệm thu hiện hành.

Nhà thầu phải bố trí cán bộ giám sát chính trên công trường phụ trách công tác nghiệm thu nội bộ các hạng mục công trình và thực hiện công tác nghiệm thu theo đúng các qui định hiện hành.

#### **11. Các yêu cầu khác gồm**

**Nhà thầu phải có kế hoạch để triển khai công việc, các yêu cầu bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:**

- Tiếp nhận và quản lý mặt bằng được bàn giao, chuẩn bị tất cả các điều kiện để có thể triển khai công việc khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Lập một tổ điều hành công việc tại công trường, phân rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cá nhân trong tổ.

- Kiểm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt trước khi bắt đầu công việc để có thể phát hiện các vấn đề chưa phù hợp, thông tin cho Chủ đầu tư để giải quyết sớm.

- Phối hợp với đơn vị hoạt động khác liên quan đến dự án nếu được Chủ đầu tư yêu cầu.

- Thực hiện công việc theo đúng qui hoạch, các bản vẽ thiết kế được phê duyệt và các bản vẽ liên quan khác (các bản vẽ thiết kế thi công phần hạ tầng và các bản vẽ thi công phần công trình,...).đảm bảo đúng kỹ thuật, mỹ thuật và các tiêu chuẩn hiện hành của nhà nước.

- Phối hợp và tổ chức chuẩn bị hồ sơ, điều kiện hiện trường và các điều kiện khác để giúp Chủ đầu tư trong công tác nghiệm thu và bàn giao.

- Thực hiện đầy đủ việc sửa chữa các lỗi và hư hỏng trong quá trình thực hiện công việc (nếu có) trong thời gian bảo hành hạng mục công trình theo quy định.

- Kết hợp chặt chẽ với hồ sơ thi công các hạng mục liên quan; các hạng mục phụ trợ. Bảo vệ các công trình hạ tầng và các công trình đã có.

- Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ việc sửa chữa, lỗi trong quá trình thực hiện công việc (nếu có) trong thời gian bảo hành hạng mục công trình theo quy định.

- Có đầy đủ trang thiết bị văn phòng đảm bảo thông tin thông suốt với Chủ đầu tư và các bên liên quan

- Trong quá trình thực hiện công việc, nếu công việc bị tác động bởi các điều kiện tự nhiên chưa được dự báo trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công thì Nhà thầu cũng phải thực hiện các đánh giá thực tế vào báo cáo cho Chủ đầu tư để xem xét giải quyết.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chủ đầu tư có quyền kiểm tra bất kỳ khâu nào trong quá trình thực hiện công việc của Nhà thầu

#### **IV. Các bản vẽ**

Bên mời thầu đính kèm hồ sơ thiết kế, các bản vẽ cùng với HSYC.

Stt	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1	Hạng mục giao thông	
2	Hạng mục bản đồ lún	
3	Hạng mục thoát nước mưa	
4	Hạng mục thoát nước thải	
5	Hạng mục Công kỹ thuật	

6	Hạng mục cấp nước	
7	Hạng mục cấp điện – chiếu sáng	
...		

## Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

### Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Hợp đồng” là sự thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.
2. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền mà chủ đầu tư đã thỏa thuận với nhà thầu theo hợp đồng.
3. “Chủ đầu tư” là \_\_\_\_\_ [Ghi tên chủ đầu tư].
4. “Nhà thầu” là \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu trúng chỉ định thầu].
5. “Nhà thầu phụ” là nhà thầu thỏa thuận hoặc ký kết hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc xây dựng đã được dự kiến trong HSĐX.
6. “Tư vấn giám sát” là nhà thầu tư vấn được chủ đầu tư lựa chọn để hoạt động thường xuyên và liên tục tại hiện trường nhằm giám sát việc thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình. Nhà thầu tư vấn giám sát là \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà thầu tư vấn giám sát].
7. “Ngày khởi công” là ngày mà chủ đầu tư quyết định cho nhà thầu bắt đầu thi công công trình.
8. “Thời gian hoàn thành” là khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành công trình được tính từ ngày khởi công đến ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao.
9. “Ngày” là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
10. “Thời hạn bảo hành công trình xây dựng” là thời gian nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình do lỗi của nhà thầu
11. “Biên bản nghiệm thu” là biên bản được phát hành theo Điều 24 Chương này.
12. “Công trường” là địa điểm mà chủ đầu tư quy định cho nhà thầu sử dụng để thi công công trình: \_\_\_\_\_ [Ghi địa điểm công trường].

### Điều 2. Ngôn ngữ sử dụng và Luật áp dụng

Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt. Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật của Việt Nam.

### Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng; tạm ứng

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- a) Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: *Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là 07 sau khi ký hợp đồng nhưng trước ngày hợp đồng có hiệu lực ...*].
- b) Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: *Thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính.* .

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 12 Chương này.

### **Điều 9. Bảo hiểm**

Yêu cầu về bảo hiểm: *Kể từ ngày nhà thầu bắt đầu thi công cho đến khi kết thúc thi công hạng mục công trình, nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu*

### **Điều 10. An toàn**

Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho tất cả các hoạt động tại công trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 11. Tư vấn giám sát**

1. Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.
2. Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.
3. Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu.

### **Điều 12. Giải quyết tranh chấp**

1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.
2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian \_\_\_\_\_ [*Ghi số ngày*] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế sau: \_\_\_\_\_ [*Ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp ...*].

### **Điều 13. Tiến độ thực hiện**

1. Chủ đầu tư phải giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào ngày *Bàn giao mặt bằng*
2. Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào ngày *Bàn giao mặt bằng*

### **Điều 14. Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng**

1. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong những trường hợp sau đây:
  - a) Chủ đầu tư không giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào thời gian quy định tại Điều 13 Chương này;
  - b) Chủ đầu tư không chấp thuận nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ nêu tại khoản 1 Điều 5 Chương này mà không có lý do chính đáng;

c) Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình.

d) Các trường hợp khác :

2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ của bất kỳ hoạt động nào trong công trình.

3. Trường hợp cần rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư phải tiến hành thương thảo với nhà thầu về các nội dung liên quan.

#### **Điều 15. Chất lượng vật tư, máy móc, thiết bị**

1. Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.

2. Nhà thầu phải cung cấp mẫu, kết quả kiểm nghiệm đối với vật tư, máy móc, thiết bị

3. Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

4. Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

#### **Điều 16. Xử lý sai sót**

1. Tư vấn giám sát phải chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá chất lượng các công việc của nhà thầu. Trường hợp phát hiện sai sót, tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu xem xét tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục. Việc kiểm tra nói trên không ảnh hưởng tới nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

2. Trường hợp tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu tiến hành một thí nghiệm mà không quy định trong tiêu chuẩn kỹ thuật để kiểm tra bất kỳ công việc nào xem có sai sót không và việc kiểm tra cho thấy có sai sót, thì nhà thầu phải thanh toán chi phí về thí nghiệm. Nếu không có sai sót, chi phí này sẽ được tính vào giá hợp đồng để chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu.

#### **Điều 17. Bảo hành công trình**

1. Thời hạn bảo hành công trình tối thiểu là 01 năm được tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu.

2. Yêu cầu về bảo hành công trình : Theo qui định của Luật Xây dựng và Luật Nhà ở

3. Trong thời hạn bảo hành, chủ đầu tư cần thông báo cho nhà thầu về những hư hỏng liên quan tới công trình do lỗi của nhà thầu gây ra. Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của nhà thầu trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định.

4. Trường hợp nhà thầu không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định, chủ đầu tư có thể thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ hoàn trả khoản chi phí này.

#### **Điều 18. Biểu giá hợp đồng**

Biểu giá hợp đồng nêu tại Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà nhà thầu phải thực hiện và đơn giá của các hạng mục đó.

#### **Điều 19. Điều chỉnh giá hợp đồng**

Điều chỉnh giá hợp đồng được áp dụng cho phần công việc áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá.

#### **Điều 20. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo thiết kế và ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

b) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;

c) Thay đổi về thiết kế;

d) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

3. Trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng, nhà thầu phải đưa khối lượng công việc được bổ sung vào Bảng tiến độ thi công chi tiết.

#### **Điều 21. Tạm ứng**

1. Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu : Sẽ đàm phán trong quá trình thương thảo hợp đồng

2. Hoàn trả tiền tạm ứng: *Tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỉ lệ nhất định trong các khoản thanh toán khác đến hạn cho nhà thầu trên cơ sở theo tiến độ phần trăm hoàn thành công trình*

#### **Điều 22. Thanh toán**

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu như sau:

1. Hình thức thanh toán : Chuyển khoản

2. Thời hạn thanh toán: Sẽ đàm phán trong quá trình thương thảo hợp đồng

3. Phương thức thanh toán: *[Căn cứ hình thức hợp đồng quy định tại Điều 4 Chương này mà quy định cụ thể nội dung này, đồng thời, cần quy định cụ thể về hồ sơ thanh toán. Ví dụ:*



a) Đối với phần công việc \_\_\_\_\_ [Ghi tên phần công việc phù hợp] áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói.

Việc thanh toán được thực hiện như sau: \_\_\_\_\_ [Tùy từng gói thầu cụ thể mà ghi: thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng hoặc thanh toán \_\_\_\_\_ lần tương ứng với việc hoàn thành công việc của công trình, hạng mục công trình, công trình].

b) Đối với phần công việc \_\_\_\_\_ [Ghi tên phần công việc phù hợp] áp dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá.

Giá trị thanh toán được tính bằng cách lấy đơn giá trong Biểu giá hoặc đơn giá điều chỉnh theo quy định tại Điều 19 Chương này nhân với khối lượng công việc thực tế mà nhà thầu đã thực hiện.

Việc thanh toán được thực hiện như sau: \_\_\_\_\_ [Tùy từng gói thầu cụ thể mà ghi: thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng hoặc thanh toán \_\_\_\_\_ lần tương ứng với việc hoàn thành công việc của công trình, hạng mục công trình, công trình].

### **Điều 23. Phạt vi phạm hợp đồng**

1. Nhà thầu bị phạt theo mức phạt là \_\_\_\_\_ [Ghi mức phạt] cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá \_\_\_\_\_ [Ghi tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa cho toàn bộ công trình]. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu.

2. Việc phạt vi phạm hợp đồng đối với chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định trong hợp đồng được thực hiện như sau: \_\_\_\_\_ [Nêu yêu cầu về phạt vi phạm hợp đồng trong trường hợp này, nếu có].

3. Các yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng: \_\_\_\_\_ [Nêu yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng, chẳng hạn phạt khi nhà thầu không đảm bảo chất lượng ...].

### **Điều 24. Nghiệm thu**

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình trong thời gian \_\_\_\_\_ [Ghi số ngày] kể từ khi nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.

### **Điều 25. Chấm dứt hợp đồng**

1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Nhà thầu ngừng thi công trong \_\_\_\_\_ ngày [Ghi số ngày] trong khi việc ngừng thi công này không có trong Bảng tiến độ thi công chi tiết hiện tại và chưa được chủ đầu tư cho phép;

b) Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu kéo dài tiến độ công trình vượt quá: \_\_\_\_\_ [Ghi số ngày];

c) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;

d) Các hành vi khác: \_\_\_\_\_ [Nêu hành vi khác, nếu có].

2. Trường hợp chấm dứt hợp đồng, nhà thầu phải ngừng ngay công việc, giữ công trường an toàn và rời công trường theo yêu cầu của chủ đầu tư.

### **Điều 26. Thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng**

1. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu nêu tại Điều 25 Chương này, chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng mà nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu.

2. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của chủ đầu tư nêu tại Điều 25 Chương này hoặc do bất khả kháng, chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, hồi hương nhân sự mà nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của nhà thầu về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu khoản tiền chênh lệch này.

3. Mọi vật liệu tại công trường, máy móc, thiết bị, công trình tạm và công trình sẽ được xem là tài sản của chủ đầu tư nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu

## Chương VI. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng.

### HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án]

- Căn cứ<sup>(2)</sup> [Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội];

- Căn cứ<sup>(2)</sup> [Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội] Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

- Căn cứ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Bên mời thầu;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

#### **Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư: [ghi tên Chủ đầu tư]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

#### **Nhà thầu<sup>(3)</sup> (sau đây gọi là Bên B)**

Tên Nhà thầu: [ghi tên Nhà thầu được lựa chọn]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_



thể của hợp đồng theo quy định.

**Điều 6. Loại hợp đồng:** \_\_\_\_ [ghi loại hợp đồng theo quy định tại chương I]

**Điều 7. Điều chỉnh giá hợp đồng và điều chỉnh khối lượng hợp đồng**

Điều chỉnh giá hợp đồng và điều chỉnh khối lượng hợp đồng theo quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng .

**Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với HSYC].

**Điều 9. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_\_\_ bộ, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bộ, Nhà thầu giữ \_\_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
NHÀ THẦU<sup>(4)</sup>**

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
CHỦ ĐẦU TƯ**

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản hiện hành liên quan đến hợp đồng.

(3), (4) Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong hợp đồng phải bao gồm thông tin của tất cả các thành viên liên danh. đại diện hợp pháp của từng thành viên trong liên danh phải ký tên, đóng dấu vào hợp đồng.



